| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**KHU VỰC 4 - BẮC NINH**<br>Bản án số: 13/2025/HNGĐ-ST<br>Ngày 18-7-2025<br>V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - BẮC NINH**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Dương Thế Vinh

*Các Hội thẩm nhân dân:* - Ông Nguyễn Tiến Chỉnh.

- Ông Trương Thanh Cường.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Ngọ Thị Thanh Hà– Thẩm tra viên.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Bắc Ninh tham gia phiên toà***: Ông Nguyễn Đức Trọng - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Bắc Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 53/2025/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 2 năm 2025 (vụ án do Tòa án nhân dân huyện Lục Nam thụ lý, nay là Tòa án nhân dân khu vực 4 - Bắc Ninh), về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 28/5/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 49/2025/QĐST-HNGĐ ngày 20/6/2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Bùi Thị Kim C, sinh ngày 18/02/1979 (xin vắng mặt);

Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Nay là Thôn Đ, xã T, tỉnh Bắc Ninh.

Số căn cước công dân: 024179003684.

- *Bị đơn:* Anh Nông Văn Đ, sinh ngày 06/3/1980 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Nay là Thôn Đ, xã T, tỉnh Bắc Ninh.

Số căn cước công dân: 024080019504.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn là chị* Bùi Thị Kim C *trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nông Văn Đ kết hôn ngày 06/5/2008 trên cơ sở tự nguyện, có được tìm hiểu nhau và tự nguyên đăng ký kết hôn tại

Uỷ ban nhân dân (viết tắt là UBND) xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang (nay là UBND xã T, tỉnh Bắc Ninh).

Sau khi kết hôn xong, chị và anh Đ về ở với nhau ngay. Thời gian đầu sống hạnh phúc và đã có 2 con chung là: Nông Thị Mai H, sinh ngày 13/02/2009 và Nông Hải L, sinh ngày 09/10/2012.

Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng: Từ năm 2020 đến nay, anh Đ thường xuyên uống rượu, không chịu làm ăn, hay đánh đập vợ con, chửi bới hành hạ chị. Chị đã nhiều lần phải báo Công an xã giải quyết, Công an xã cũng đã nhiều lần gọi anh Đ lên giáo dục, được một thời gian anh Đ lại tái diễn đánh đập chị, tính tình anh Đ không thay đổi, lần gần đây nhất anh Đ đã cầm dao đe dọa chị và con gái. Bố chồng, thôn và cán bộ xã đã khuyên giải nhiều lần, nhưng anh Đ không nghe. Chị thấy không thể ở cùng anh Đ nên đã ly thân. Nay chị thấy không còn tình cảm với anh Đ, nên đề nghị Tòa án cho được ly hôn.

- Về con chung: Chị và anh Đ có 2 con như trình bày ở trên. Nếu ly hôn chị xin nuôi cả 2 con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản: Để chị và anh Đ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Nông Văn Đ đã được Tòa án tống đạt Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng, nhưng anh Đ không đến Tòa án nộp bản tự khai và trình bày ý kiến đến đối với yêu cầu xin ly hôn của chị C.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, các đương sự không thỏa thuận được việc giải quyết vụ án; chị C xin vắng mặt, còn anh Đ đã được triệu tập đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt.

* *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Bắc Ninh tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, phát biểu ý kiến*:

Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa Thẩm phán và Thư ký Tòa án tuân theo đúng trình tự tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử sơ thẩm thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự đã được Tòa án cho thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của đương sự; nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định Bộ luật tố tụng dân sự (viết tắt là BLTTDS).

Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ các Điều: 28, 35, 39, 147, 227, 228, 238, 271, 272 và 273 của BLTTDS năm 2015.

Các Điều: 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân gia đình 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Bùi Thị Kim C. Cho chị Bùi Thị Kim C được ly hôn anh Nông Văn Đ.

- Về con chung: Giao cho chị Bùi Thị Kim C được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nông Thị Mai H và Nông Hải L cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác của Toà án.

Anh Nông Văn Đ có quyền đi lại, nghĩa vụ thăm nom mà không ai được cản trở.

- Về án phí: Chị C phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Bắc Ninh. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Chị Bùi Thị Kim C có đơn xin ly hôn anh Nông Văn Đ và giải quyết về con chung. Nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28 của BLTTDS xác định quan hệ pháp luật là: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bị đơn có địa chỉ cư trú tại thôn Đ, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang, nay là thôn Đ, xã T, tỉnh Bắc Ninh. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS thì tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. Nên Toà án nhân dân huyện Lục Nam thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định.

Từ ngày 01/7/2025 thì Toà án nhân dân huyện Lục Nam sáp nhập với Toà án nhân dân huyện Lạng Giang thành Tòa án nhân dân khu vực 4 - Bắc Ninh. Tòa án nhân dân khu vực 4 - Bắc Ninh đã kết thừa toàn bộ thẩm quyền giải quyết vụ án của Toà án nhân dân huyện Lục Nam và tiến hành giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật (căn cứ Nghị quyết số: 225/2025/QH15 ngày 27/6/2025 của Quốc hội).

[3] Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn chị Bùi Thị Kim C có đơn xin xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của BLTTDS, Toà án xét xử vắng mặt nguyên đơn.

Bị đơn anh Nông Văn Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng không đến Tòa án làm việc, cung cấp chứng cứ. Do đó cần xác định anh Đ cố tình vắng mặt. Phiên tòa ngày 20/6/2025 Tòa án đã hoãn phiên tòa do vắng mặt anh Đ. Tại phiên tòa hôm nay, anh Đ tiếp tục vắng mặt. Do đó căn cứ khoản 3 Điều 228 của BLTTDS, Toà án xét xử vắng mặt anh Đ.

[4] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Bùi Thị Kim C và anh Nông Văn Đ kết hôn ngày 06/5/2008 trên cơ sở tự nguyện, có được tìm hiểu nhau và tự nguyên đăng ký kết hôn tại UBND xã

T, huyện L, tỉnh Bắc Giang (nay là UBND xã T, tỉnh Bắc Ninh). Nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, chị C và anh Đ về chung sống với nhau ngay, hai người sống hạnh phúc một thời gian dài và đã có 2 con chung là Nông Thị Mai H, sinh ngày 13/02/2009 và Nông Hải L, sinh ngày 09/10/2012.

Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là từ năm 2020 đến nay, anh Đ thường xuyên uống rượu và hay gây sự, đánh đập, chửi bới, hành hạ vợ con. Địa phương cho biết: Anh Đ thường xuyên uống rượu, đánh vợ con, phá phách tài sản. Công an xã đã giáo dục nhiều lần, nhưng anh Đ không thay đổi. Tòa án đã tiến hành hòa giải để chị C và anh Đ về đoàn tụ. Tuy nhiên chị C cương quyết xin ly hôn và từ chối hòa giải đoàn tụ; còn anh Đ vắng mặt. Chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không còn tình cảm với nhau, không có sự quan tâm chăm sóc nhau, vị phạm nghĩa vụ của vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, cho chị C được ly hôn anh Đ.

[5] Về con chung: Chị C và anh Đ có 2 con chung là: Nông Thị Mai H, sinh ngày 13/02/2009 và Nông Hải L, sinh ngày 09/10/2012. Hiện hai con đang ở với chị C. Chị C có nguyện vọng nuôi cả 2 con.

Tòa án đã lấy lời khai con 2 con chị C và anh Đ, các cháu H và L đều có nguyện vọng ở với mẹ. Do đó cần giao 2 con chung cho chị C nuôi là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị C không yêu cầu, nên không đặt ra xem xét.

Quyền thăm con: Anh Đ có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở anh Đ thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của người con, Toà án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc buộc bên không nuôi con cho nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, nếu sau này các đương sự có yêu cầu và theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

[6] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí: Chị C phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình theo quy định tại Điều 147 của BLTTDS.

[8] Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 271 và Điều 273 của BLTTDS.

Báo cho nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều: 51, 56, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Bùi Thị Kim C được ly hôn anh Nông Văn Đ.

2. Về con chung: Giao cho chị Bùi Thị Kim C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 2 con Nông Thị Mai H, sinh ngày 13/02/2009 và Nông Hải L, sinh ngày 09/10/2012 cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Anh Đ có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở anh Đ thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Chị Bùi Thị Kim C phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình.

Tiền án phí được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng chị C đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0004599 ngày 21/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang nay là Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh. Xác nhận chị C đã nộp đủ tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Báo cho nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án nhận được tống đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND khu vực 4 - Bắc Ninh;
- Thi hành án DS tỉnh Bắc Ninh;
- UBND xã Trường Sơn, tỉnh Bắc Ninh;
- Đương sự;
- Lưu HS+VT.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký)

**Dương Thế Vinh**